|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa Kinh tế - Du lịch** |  **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |
| --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO** |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Kế toán** | **Mã số: 7340301** |

|  |
| --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN****1. Thông tin chung** |
| **1.1. Tên học phần:** Phần mềm kế toán | **1.2. Tên tiếng Anh:** Accounting Software |
| **1.3. Mã học phần:** KTPMKT.220 | **1.4. Số tín chỉ: 03** |
| **1.5. Phân bố thời gian:**  |  |
| **-** Lý thuyết:  | 30 tiết |
| - Thực hành:  | 15 tiết |
| - Tự học:  | 90 tiết |
| **1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính:  | ThS Phan Thị Thu Hà |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | Các giảng viên bộ môn Kế toán theo sự phân công |
| **1.7. Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Nguyên lý kế toán |
| - Học phần học trước: | Không có |
| - Học phần song hành: | Không có |

**2. Mục tiêu**

**2.1. Mục tiêu chung**

Nội dung của học phần chủ yếu đề cập đến những vấn đề cơ bản về phần mềm kế toán, trình bày các vấn đề về thiết lập thông tin về hệ thống, nhập số dư ban đầu theo tài khoản ngân hàng, vật tư hàng hóa, đối tượng tập hợp chi phí, ngoại tệ, hướng dẫn quy trình hạch toán kế toán trên phần mềm, hướng dẫn tổ chức và mã hóa thông tin và quản trị dữ liệu kế toán bao gồm sao lưu, phục hồi dữ liệu kế toán, xóa dữ liệu kế toán, đổi mật khẩu, sửa thông tin cá nhân, quản lý người dùng, vai trò và quyền hạn, nhật ký truy cập.

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức**

- Có khả năng vận dụng những kiến thức cơ bản về hệ thống phần mềm kế toán, quy trình xử lý chung của phần mềm kế toán.

- Có kiến thức để thể tiếp cận và sử dụng được phần mềm kế toán đang áp dụng tại các doanh nghiệp.

**2.2.2. Về kỹ năng**

 - Có khả năng vận dụng những kiến thức được học để thao tác trên phần mềm kế toán, cách mở sổ kế toán, cách lập chứng từ, định khoản, vào sổ, lưu chứng từ, lập các báo cáo tài chính, quyết toán thuế.

 - Có kỹ năng lập luận, phát hiện và giải quyết vấn đề về kế toán, thuế, phân tích tài chính tại doanh nghiệp.

**2.2.3. Về thái độ**

- Tham dự giờ giảng đầy đủ, nghe giảng, tự học, tự nghiên cứu tài liệu bắt buộc và tham khảo để vận dụng kiến thức nhằm làm bài tập và thảo luận theo nhóm có hiệu quả.

- Có khả năng tự cập nhật kiến thức mới, tự nghiên cứu để áp dụng hiệu quả những kiến thức chuyên môn vào thực tiễn.

**3. Chuẩn đầu ra (CLO)**

**Bảng 1. Chuẩn đầu ra của học phần**

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CLO** | **Nội dung CLO** |
| CLO1 | Nhận biết các kiến thức liên quan đến hệ thống phần mềm kế toán, quy trình xử lý chung của phần mềm kế toán |
| CLO2 | Áp dụng kiến thức kế toán để thực hiện thành thạo các thao tác trên phần mềm kế toán. |
| CLO3 | Nhận dạng, phân tích các tình huống phát sinh trong lĩnh vực kế toán tài chính của doanh nghiệp trên phần mềm kế toán |
| CLO4 | Lập luận, phát hiện và giải quyết vấn đề về kế toán, thuế, phân tích tài chính tại doanh nghiệp trên phần mềm kế toán  |
| CLO5 | Tự cập nhật kiến thức mới, tự nghiên cứu để áp dụng hiệu quả những kiến thức chuyên môn vào thực tiễn |

**4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

**Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| CLO 1 |  | I | I |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO 2 |  | M,A | R | R | I |  |  | R |  |  |  |  |
| CLO 3 |  | M | M | M | R |  | I | R |  |  |  |  |
| CLO 4 |  | M | M | M | M |  |  | R |  |  |  |  |
| CLO 5 |  |  |  |  |  | R | R | R | I | R | R | I |
| Tổng hợp học phần |  | M,A  | M | M | M | R | R | R | I | R | R | I |

*Ghi chú: I: mức giới thiệu/bắt đầu; R: mức nâng cao hơn mức bắt đầu,có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…; M: mức thuần thục/thông hiểu; A: hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO, cần được thu thập minh chứng để đánh giá CĐR CTĐT.*

**5. Đánh giá**

*a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá*

**Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần** **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric****(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 1** | ***Hướng dẫn phương pháp đánh giá*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ) | 10% |  |  | X | CLO5 | Theo R1 |
| A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX) |  30% | A2.1. Tuần 5: Chương 4 | 30% | X | CLO 1, CLO2 | Theo R3, R2 |
| A2.2. Tuần 10: Chương 4  | 30% | X | CLO 1, CLO2 |
| A2.3. Tuần 14: Chương 5  | 40% | X | CLO1 CLO2CLO3 CLO4CLO 5 |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Bài thi cuối kỳ: Thực hành trên máy tính |  | X | CLO1 CLO2CLO3 CLO4CLO 5 | Theo R2 |

*Ghi chú: Tùy theo yêu cầu, đặc điểm của từng học phần, bộ môn có thể điều chỉnh thành phần và trọng số, trọng số con của các thành phần đánh giá. Tuy nhiên, phải đảm bảo đánh giá cuối kỳ không dưới 50%.*

***b. Yêu cầu đối với học phần:*** *Sinh viên phải tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.***6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy**

**Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/****Buổi**(3 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 2 số)** | **Số tiết (LT/ TH/ TT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 1** | PP giảng dạy , tài liệu và cở sở vật chất, thiết bị cần thiêt để đạt CĐR | Hoạt động học của SV(\*) | Tên bàiđánh giá(ở cột 3 bảng 3) |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | Chương 1: Bắt đầu với Misa SME.net1.1. Khởi động Misa SME.NET 20101.2.Tạo dữ liệu kế toán mới1.3. Mở dữ liệu kế toán | 2LT1TH | * 1. Nắm rõ các kiến thức về khởi động phần mềm
	2. Nhận biết cách thức tạo dữ liệu kế toán
	3. Nhận biết cách mở dữ liệu kế toán

- Áp dụng các kiến thức về khởi động, tạo mới và mở dữ liệu kế toán tại doanh nghiệp cụ thể trên phần mềm | CLO 1CLO2 | Thuyết giảng, câu hỏi gợi mở, tình huống. GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 1) (tài liệu [1])- Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi |  |
| 2 | Chương 2: Các thao tác thường dùng2.1.Sao chép chứng từ2.2. Định khoản tự động2.3. Thêm nhanh danh mục2.4. Lọc dữ liệu2.5. Tìm kiếm | 2 LT1 TH | - Nắm các kiến thức về sao chép chứng từ, định khoản tự động, thêm nhanh các danh mục, lọc dữ liệu và tìm kiếm- Vận dụng thao tác trên phần mềm cụ thể | CLO1CLO2 | Thuyết giảng, câu hỏi gợi mở, tình huống. GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 2) (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4], [5].- Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập |  |
| 3 | Chương 3: Thiết lập thông tin và số liệu kế toán ban đầu3.1. Thiết lập thông tin về hệ thống | 2 LT1 TH | 2.1. Nắm rõ kiến thức về thiết lập thông tin hệ thống- Áp dụng vào phần mềm kế toán | CLO1CLO2 | Thuyết giảng, câu hỏi gợi mở, tình huống. GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 3) (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4], [5].- Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập |  |
| 4 | Chương 3: Thiết lập thông tin và số liệu kế toán ban đầu (tiếp) 3.2 Nhập số dư ban đầu | 2 LT1 TH | 3.2. Nắm kiến thức về nhập các số dư ban đầu cho năm tài chính tại dn- Vận dụng nhập số dư cho một doanh nghiệp cụ thể | CLO1CLO2 | Thuyết giảng, câu hỏi gợi mở, tình huống. GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 3) (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4], [5].- Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập | A2.1 |
| 5 | Chương 4: Quy trình hạch toán kế toán trên Misa sme.net4.1 Ngân sách4.2 Kế toán Quỹ | 2 LT1 TH | - Hệ thống các kiến thức liên quan đến phân hệ ngân sách và kế toán quỹ tiền mặt tại doanh nghiệp- Nhận dạng và phân tích các nghiệp vụ cụ thể liên quan đến ngân sách và tiền - Áp dụng vào thao tác trên phần mềm | CLO1CLO2CLO3 | Thuyết giảng, câu hỏi gợi mở, tình huống. GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 4) (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4], [5].- Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập | A2.1. |
| 6 | Chương 4: Quy trình hạch toán kế toán trên Misa sme.net4.3 Kế toán ngân hàng | 2 LT1 TH | - Hệ thống các kiến thức liên quan đến phân hệ kế toán ngân hàng- Nhận dạng và phân tích các nghiệp vụ cụ thể liên quan đến kế toán ngân hàngÁp dụng vào thao tác trên phần mềm | CLO1CLO2CLO3 | Thuyết giảng, câu hỏi gợi mở, tình huống. GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 4) (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4], [5].- Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập |  |
| 7 | Chương 4: Quy trình hạch toán kế toán trên Misa sme.net4.4 Kế toán mua hàng | 2 LT1 TH | - Hệ thống các kiến thức liên quan đến phân hệ kế toán mua hàng- Nhận dạng và phân tích các nghiệp vụ cụ thể liên quan đến kế toán mua hàng- Áp dụng vào thao tác trên phần mềm | CLO1CLO2CLO3 | Thuyết giảng, câu hỏi gợi mở, tình huống. GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 4) (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4], [5].- Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập | A2.2 |
| 8 | Chương 4: Quy trình hạch toán kế toán trên Misa sme.net4.5 Kế toán bán hàng | 2LT1TH | - Hệ thống các kiến thức liên quan đến phân hệ kế toán mua hàng- Nhận dạng và phân tích các nghiệp vụ cụ thể liên quan đến kế toán mua hàng- Áp dụng vào thao tác trên phần mềm | CLO1CLO2CLO3 | Thuyết giảng, câu hỏi gợi mở, tình huống. GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 4) (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4], [5].- Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập |  |
| 9 | Chương 4: Quy trình hạch toán kế toán trên Misa sme.net (tiếp\_4.6 Kế toán Kho4.7 Kế toán công cụ dụng cụ | 2 LT1 TH | - Hệ thống các kiến thức liên quan đến phân hệ kế toán kho và công cụ dụng cụ- Nhận dạng và phân tích các nghiệp vụ cụ thể liên quan đến kế toán kho và công cụ dụng cụ- Áp dụng vào thao tác trên phần mềm | CLO1CLO2CLO3 | Thuyết giảng, câu hỏi gợi mở, tình huống. GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 4) (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4], [5].- Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập |  |
| 10 | Chương 4: Quy trình hạch toán kế toán trên Misa sme.net4.8 Kế toán tài sản cố định | 2LT1BT | - Hệ thống các kiến thức liên quan đến phân hệ kế toán tài sản cố định- Nhận dạng và phân tích các nghiệp vụ cụ thể liên quan đến kế toán tài sản cố định- Áp dụng vào thao tác trên phần mềm | CLO1CLO2CLO3 | Thuyết giảng, câu hỏi gợi mở, tình huống. GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 4) (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4], [5].- Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập | A2.2 |
| 11 | Chương 4: Quy trình hạch toán kế toán trên Misa sme.net4.9 Kế toán tiền lương4.10 Kế toán giá thành | 2LT1BT | - Hệ thống các kiến thức liên quan đến phân hệ kế toán tiền lương và giá thành- Nhận dạng và phân tích các nghiệp vụ cụ thể liên quan đến kế toán tiền lương và giá thành- Áp dụng vào thao tác trên phần mềm | CLO1CLO2CLO3 | Thuyết giảng, câu hỏi gợi mở, tình huống. GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 4) (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4], [5].- Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi |  |
| 12 | Chương 4: Quy trình hạch toán kế toán trên Misa sme.net4.11 Kế toán thuế4.12 Hợp đồng4.13 Cổ đông | 2 LT1 TH | - Hệ thống các kiến thức liên quan đến phân hệ kế toán thuế, hợp đồng- Nhận dạng và phân tích các nghiệp vụ cụ thể liên quan đến kế toán thuế và hợp đồng - Áp dụng vào thao tác trên phần mềm | CLO1CLO2CLO3 | Thuyết giảng, câu hỏi gợi mở, tình huống. GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 4) (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4], [5].- Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, làm bài tập |  |
| 13 | Chương 4: Quy trình hạch toán kế toán trên Misa sme.net4.14 Kế toán tổng hợp | 2 LT1 TH | - Hệ thống các kiến thức liên quan đến phân hệ kế toán tổng hợp - Nhận dạng và phân tích các nghiệp vụ cụ thể liên quan đến kế toán tổng hợp để nhằm lập các báo cáo tài chính cuối kỳ- Phát hiện các vấn đề liên quan về thuế, phân tích tài chính tại dn- Áp dụng vào thao tác trên phần mềm- Cập nhật các kiến thức mới nhất về chế độ kế toán để ứng dụng vào công tác kế toán | CLO1CLO2CLO3CLO4CLO 5 | Thuyết giảng, câu hỏi gợi mở, tình huống. GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 4) (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4], [5].- Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, làm bài tập | A2.3 |
| 14 | Chương 5: Hướng dẫn tổ chức và mã hóa thông tin5.1 Mục đích và ý nghĩa5.2 Cách đánh mã hóa thông tin5.3 Quy ước chung5.4 Cách tổ chức mã hóa thông tin | 2 LT1 TH |  - Nhận biết các kiến thức về tổ chức và mã hóa thông tin trong doanh nghiệp- Vận dụng thao tác trên phần mềm để tổ chức và mã hóa thông tin | CLO1CLO2 | Thuyết giảng, câu hỏi gợi mở, tình huống. GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 5) (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4], [5].- Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập | A2.3 |
| 15 | Chương 6: Quản trị dữ liệu kế toán6.1. Sao lưu dữ liệu kế toán6.2 Phục hồi dữ liệu kế toán6.3 Xóa dữ liệu kế toán6.4 Đổi mật khẩu6.5 Vai trò và quyền hạn | 2 LT1 TH | - Nẵm rõ cách thức quản trị dữ liệu kế toán bao gồm sao lưu, phục hồi, xóa dữ liệu kế toán, cách thức đổi mật khẩu và các vai trò quyền hạn của kế toán viên- Áp dụng vào thực hiện trên phần mềm kế toán | CLO1CLO2 | Thuyết giảng, câu hỏi gợi mở, tình huống. GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 6) (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4], [5].- Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập |  |
| Theo lịch thi |  |  |  |  |  |  | A3 |

**7. Học liệu**

**Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,****tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/****nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** |
| 1 | Phan Thị Thu Hà | 2021 | *Bài giảng Phần mềm kế toán* | Lưu hành nội bộ, Trường Đại học Quảng Bình. |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** |
| 2 | Võ Văn Nhị | 2015 | *Kế toán tài chính* | NXB Kinh tế TP. Hồ Chí Minh. |
| 3 | Tổng cục thuế | 2015 | *Hệ thống tài khoản kế toán doanh nghiệp* | NXB Khoa học xã hội |
| 4 | Bộ Tài chính | 2013 | *26 chuẩn mực kế toán Việt Nam* | NXB Lao động |
| 5 | Quốc hội | 2015 | *Luật Kế toán* | NXB Chính trị quốc gia. |

**8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

**Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH** | **Danh mục trang thiết bị, phần mềm chínhphục vụ TN,TH** | **Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương**  |
| **Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,…** | **Số lượng** |  |
| *1* | **Giảng đường A** | *Projector, máy tính cá nhân* | *1* | *Chương 1* |
| *2* | **Giảng đường A** | *Projector, máy tính cá nhân* | *1* | *Chương 2* |
| *3* | **Giảng đường A** | *Projector, máy tính cá nhân* | *1* | *Chương 3* |
| *4* | **Giảng đường A** | *Projector, máy tính cá nhân* | *1* | *Chương 4* |
| *5* | **Giảng đường A** | *Projector, máy tính cá nhân* | *1* | *Chương 5* |
| *6* | **Giảng đường A** | *Projector, máy tính cá nhân* | *1* | *Chương 6* |

**9. Rubric (Phiếu đánh giá)**

**Đánh giá chuyên cần (Attendace Check): Rubric 1**

**Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendace)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | **Trọng****số** |
|
| **MỨC F****(0-3.9)** | **MỨC D****(4.0-5.4)** | **MỨC C****(5.5-6.9)** | **MỨC B****(7.0-8.4)** | **MỨC A****(8.5-10)** |
|
|
| Chuyêncần | Không đi học(<30%). | Đi học không chuyên cần(<50%). | Đi học khá chuyên cần (<70%). | Đi học chuyên cần (<90%). | Đi học đầy đủ, rất chuyên cần(>=90 %). | **50%** |
|
| Đóng góptại lớp | Không tham gia hoạt động gì tại lớp | Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng gớp cho bài học tại lớp.Đóng góp không hiệu quả. | Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả. | Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả. | Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả. | **50%** |
|
|
|
|

**Đánh giá bài tập (Work Assigment):**

**Rubric 3: Bài tập (Work Assigment)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí****đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | **Trọng****số** |
| **MỨC F****(0-3.9)** | **MỨC D****(4.0-5.4)** | **MỨC C****(5.5-6.9)** | **MỨC B****(7.0-8.4)** | **MỨC A****(8.5-10)** |
| Nộp bài tập | Không nộp bài tập hoặc hoàn thành <30% khối lượng công việc được giao | Nộp bài tập hoàn thành <50% khối lượng công việc được giao. Chưa đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập hoàn thành <70% khối lượng công việc được giao. Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập hoàn thành <90% khối lượng công việc được giao. Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập đầy đủ >=90% số lượng được giao). Đúng thời gian quy định. | **20%** |
|
|
|
|
| Trình bàybài tập | Kém | Còn rất nhiều lỗi | Còn nhiều lỗi | Tương đối tốt | Rất tốt | **30%** |
| Nội dung bàitập | Không có bài tập | Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. | Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Nội dung đúng, rõ ràng. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính toán logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý. | **50%** |

**Rubric 2: Tham gia thực hành (Practice Attendance)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | **Trọng****số** |
|
| **MỨC F****(0-3.9)** | **MỨC D****(4.0-5.4)** | **MỨC C****(5.5-6.9)** | **MỨC B****(7.0-8.4)** | **MỨC A****(8.5-10)** |
|
|
| Ý thức, thái độ | Không có ý thức thực hành | GV còn phải nhở trong thực hiện nhiệm vụ của thực hành và không có tương tác với GV, SV | Có ý thức thực hành và không có tương tác với GV, SV | Có ý thức thực hành nhưng ít tương tác với GV, SV | Rất có ý thức thực hành và tương tác với GV, SV | **30%** |
|
| Nhiệm vụ được giao | Không hoàn thành (<30%) | Hoàn thành <50% khối lượng công việc thực hành | Hoàn thành <70% khối lượng công việc thực hành | Hoàn thành <90% khối lượng công việc thực hành | Hoàn thành >=90% khối lượng công việc thực hành | **70%** |
|
|
|
|

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Quảng Bình, ngày….tháng….năm 2023*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn** |

 |
|  |

KHOA KINH TẾ - DU LỊCH **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

 **BỘ MÔN KẾ TOÁN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT HỌC PHẦN**

Tên học phần: **PHẦN MỀM KẾ TOÁN**  Mã học phần: KTKTMA.025

Số tín chỉ: 03 Trình độ đào tạo: Đại học

Đối tượng đào tạo: Sinh viên ngành Kế toán hệ đại học chính quy

**1. Thông tin hoạt động nghiệm thu**

Thời gian nghiệm thu: 8h00 ngày /2023

Địa điểm nghiệm thu: Văn phòng khoa KT-DL

Thành phần và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng nghiệm thu:

1. TS. Trần Tự Lực - Chủ tịch Hội đồng

2. ThS. Nguyễn Thị Diệu Thanh - Phản biện 1

3. ThS. Nguyễn Thị Thanh Nga - Phản biện 2

4. TS. Trương Thủy Vân - Ủy viên

5. ThS Phan Thị Thu Hà - Thư kí

**2. Ý kiến Hội đồng nghiệm thu**

- Phản biện 1: (Gửi văn bản nhận xét đính kèm)

- Phản biện 2: (Gửi văn bản nhận xét đính kèm)

- Ý kiến thảo luận, bổ sung của thành viên Hội đồng: Đề cương chi tiết học phần Phần mềm kế toán đã đáp ứng được các yêu cầu đề ra, phù hợp với đối tượng giảng dạy, có tính cập nhật các văn bản và chế độ kế toán mới.

**3. Kết luận của Hội đồng nghiệm thu**

 **Về hình thức:** Đề cương chi tiết đã đáp ứng đúng mẫu quy định, không có lỗi chính tả, trình bày rõ ràng, mạch lạc.

 **Về nội dung:**

- Mục tiêu học phần có bám sát chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo.

 - Nội dung chương trình đảm bảo tính khoa học, chính xác, phát huy được năng lực của người học, có khả năng đo lường, có thể thực hiện các hoạt động thu thập minh chứng cho việc đạt được mục tiêu học phần.

- Kiến thức cơ bản, kỹ năng mà học phần mô tả rõ ràng và đáp ứng được yêu cầu đào tạo.

- Các tiêu chuẩn sử dụng để đánh giá sinh viên thể hiện mức độ đạt được các mục tiêu trong từng tín chỉ, từng học phần và có khả năng phân loại trình độ của sinh viên.

- Qui định các hình thức kiểm tra phù hợp và đúng quy định.

 *Quảng Bình, ngày tháng năm 2023*

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THƯ KÝ

|  |  |
| --- | --- |
| KHOA KINH TẾ - DU LỊCH**BỘ MÔN KẾ TOÁN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**BẢN NHẬN XÉT CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**Tên học phần:** PHẦN MỀM KẾ TOÁN (ACCOUTING SOLFWARE)

**Số tín chỉ:** 03

**Đối tượng**: Sinh viên ngành Kế toán hệ Đại học chính quy

**Nội dung nhận xét:**

***\* Về hình thức:***

-Chương trình đã được biên soạn theo mẫu quy định, trình bày rõ ràng, mạch lạc, dễ hiểu, đảm bảo các mục theo yêu cầu. Tuy nhiên cần chỉnh sửa một số lỗi chính tả và lỗi trình bày như sau:

+ Tại mục 1 bổ sung thông tin Phần mềm kế toán bằng tiếng Anh.

+ Mục 3, bỏ in nghiêng

+ Mục 6, 7 in đậm, chữ đứng.

+ Tại mục 2, 7, 8 chỉnh sửa lại lỗi chính tả

***\* Về nội dung:***

- Mục tiêu học phần bám sát chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo.

- Nội dung chương trình đảm tính khoa học, chính xác, phát huy năng lực của người học.

- Kiến thức cơ bản, kỹ năng mà học phần mô tả đáp ứng yêu cầu đào tạo.

- Các tiêu chuẩn sử dụng để đánh giá sinh viên có thể hiện mức độ đạt được các mục tiêu trong từng học phần và phân loại được trình độ của sinh viên.

Các vấn đề cần chỉnh sửa bổ sung:

- Phân bổ lại số tiết lý thuyết và thực hành các tín chỉ phù hợp.

- Điều kiện tiên quyết của học phần là sau khi học xong kế toán tài chính 3.

- Hình thức kiểm tra đánh giá thường xuyên của học phần là bài tập lớn hoặc bài thực hành.

- Cần bổ sung một số tài liệu kế toán cập nhật chế độ kế toán mới.

**Kết luận chung:** Đề cương chi tiết nên được chỉnh sửa trước khi nghiệm thu.

*Quảng Bình, ngày tháng năm*

NGƯỜI NHẬN XÉT

|  |  |
| --- | --- |
| KHOA KINH TẾ - DU LỊCH**BỘ MÔN KẾ TOÁN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**BẢN NHẬN XÉT CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**Tên học phần:** PHẦN MỀM KẾ TOÁN (ACCOUTING SOLFWARE)

**Số tín chỉ:** 03

**Đối tượng**: Sinh viên ngành Kế toán hệ Đại học chính quy

**Nội dung nhận xét:**

***\* Về hình thức:***

-Chương trình đã được biên soạn theo mẫu quy định, trình bày rõ ràng, mạch lạc, dễ hiểu, đảm bảo các mục theo yêu cầu. Tuy nhiên cần chỉnh sửa một số lỗi chính tả và lỗi trình bày ở các mục 2, 6, 7, 10.

***\* Về nội dung:***

- Mục tiêu học phần bám sát chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo.

- Nội dung để cương chi tiết đảm tính khoa học, chính xác, phát huy năng lực của người học.

- Kiến thức cơ bản, kỹ năng mà học phần mô tả đáp ứng yêu cầu đào tạo.

- Các tiêu chuẩn sử dụng để đánh giá sinh viên có thể hiện mức độ đạt được các mục tiêu trong từng học phần và phân loại được trình độ của sinh viên.

Một số vấn đề cẩn bổ sung chỉnh sửa:

- Chú ý các tiêu chuẩn đánh giá sinh viên cập nhật mới.

**Kết luận chung:** Chương trình nên được chỉnh sửa trước khi nghiệm thu.

*Quảng Bình, ngày tháng năm*

NGƯỜI NHẬN XÉT